

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ – PT
Ngày 24 - 9 - 2024.
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Vàng Xuân Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Giang Thị Vượng, bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Giàng A Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Mỹ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2024/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Do có kháng cáo của Bị đơn đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2024/HNGĐ-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2024/QĐ - PT ngày 21 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 10/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vừ Thị G - Sinh năm 2003; Đăng ký HKTT: Bản H, xã N, huyện N, tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ hiện nay: Bản Đ, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Sùng A H - Sinh năm 1999; địa chỉ: Bản H, xã N, huyện N, tỉnh Lai Châu (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Sùng A H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vừ Thị G trình bày:

Chị và anh Sùng A H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 do có quan hệ yêu đương sớm dẫn đến có con trước nhưng chưa đăng ký kết hôn do

chưa đủ tuổi. Sau khi sinh con xong, ngày 21/10/2021 chị và anh H đến Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Lai Châu đăng ký kết hôn, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Do tuổi trẻ nên vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 02/2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời, cờ bạc không chịu tu chí làm ăn, có lời nói đe dọa, đánh đập chị. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 4 năm 2023 chị bỏ về nhà bố mẹ để ở huyện M, tỉnh Điện Biên. Vì vậy, chị G nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên tháng 2 năm 2024 chị gửi đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn giải quyết cho chị được ly hôn anh Sùng A H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu: Sùng Mỹ D - sinh ngày 11/6/2020 và Sùng Mỹ D1 - sinh ngày 20/12/2021. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu Sùng Mỹ D1 cho đến khi cháu D1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) còn cháu Sùng Mỹ D cho anh Sùng A H chăm sóc và nuôi dưỡng; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Sùng A H trình bày:

Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như chị G trình bày là đúng. Khoảng thời gian đầu hai bên sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh phát hiện vợ nhắn tin qua lại với người yêu cũ nên xảy ra cãi vã kéo dài nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Tại tòa, anh không nhất trí ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong Tòa giải quyết cho vợ chồng quay về đoàn tụ để anh chị cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung.

Về con chung anh H xác nhận: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung như chị G trình bày. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 02 cháu cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Anh yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi các con số tiền là 500.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị G. Trong trường hợp nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng. Còn chị Vừ Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng trong quá trình chung sống, anh H thường xuyên chơi bời nếu anh H muốn nuôi con chị đồng ý để anh H nuôi cả hai cháu.

Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên đương sự không thỏa thuận được về yêu cầu ly hôn nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình số 06/2024/HNGĐ - ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Vũ Thị G được ly hôn với anh Sùng A H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu: Sùng Mỹ D - sinh ngày 11/6/2020, cháu Sùng Mỹ D1 - sinh ngày 20/12/2021 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Vũ Thị G có quyền đi lại, thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 16/7/2024, bị đơn anh Sùng A H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại phần quan hệ hôn nhân, anh Sùng A H không nhất trí ly hôn với chị Vũ Thị G với lý do anh H vẫn còn tình cảm với chị G.

Tại phiên tòa phúc thẩm Bị đơn anh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị G không rút yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo của anh Sùng A H: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua nghe tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, có đủ căn cứ để không chấp nhận đơn kháng cáo của anh H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2024/HNGĐ - ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị G khởi kiện được ly hôn với anh Sùng A H là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Bị đơn cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Lai Châu thuộc thẩm quyền giải quyết theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu thụ lý giải quyết là đúng.

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Ngày 10/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn tuyên bản án sơ thẩm số 06/2024/HNGĐ-ST. Ngày 16/7/2024 bị đơn Sùng A H có đơn kháng cáo gửi đến Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Đơn kháng cáo được bị đơn gửi trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Như vậy đơn kháng cáo là hợp lệ, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nội dung kháng cáo: Anh Sùng A H cho rằng anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị G nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm cho anh được đoàn tụ với chị G

Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, xem xét lời khai của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị G và anh H kết hôn vào ngày 21/10/2021 trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Chị G và anh H đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Lai Châu. Như vậy, hôn nhân giữa chị G và anh H là kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm chị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H. Theo nguyên đơn, vợ chồng chị không còn tình cảm vợ chồng, không yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn tình cảm đã trầm trọng, kéo dài. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, cả 2 không thể nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Chị cũng cho rằng mặc dù anh H kháng cáo xin được đoàn tụ, nhưng từ khi ly thân đến nay anh H chưa nói chuyện hàn gắn tình cảm.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, tại đơn kháng cáo và phiên tòa phúc thẩm anh H không đồng ý ly hôn, anh cho rằng anh vẫn yêu thương chị, mong muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ.

Tại Tòa phúc thẩm anh đã hứa sẽ sửa chữa lỗi lầm của mình, sẽ thay đổi bản thân để tình cảm vợ chồng được hoà hợp. Tuy nhiên, từ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm và phúc

thẩm, có thể thấy trên thực tế chị G và anh H đã ly thân từ tháng 4 năm 2023. Trong thời gian ly thân, theo anh H trình bày bản thân anh không có tác động nào để hàn gắn. Đặc biệt là khoảng thời gian từ sau phiên toà sơ thẩm cho đến nay, cá nhân anh H cũng không có biện pháp gì để thay đổi được tình trạng vợ chồng.

Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã phân tích, giành nhiều thời gian khuyên giải, đóng góp ý kiến với mục đích mong muốn các đương sự thông cảm, thấu hiểu và bỏ qua những mâu thuẫn trước đây để tiến tới việc hoà giải, đoàn tụ. Nhưng xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên quan điểm của cá nhân, không thống nhất được phương pháp hòa giải những mâu thuẫn vẫn đang tồn tại, chưa tìm được tiếng nói chung để xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, yêu thương, thấu hiểu và chia sẻ. Hội đồng xét xử xét thấy: tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Tòa án sơ thẩm chấp nhận cho chị G được ly hôn anh H là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Sùng A H kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh H như ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu.

[3] Do kháng cáo của bị đơn anh Sùng A H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 28, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Sùng A H. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 06/2024/HNGĐ-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Chị Vũ Thị G được ly hôn với anh Sùng A H.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu: Sùng Mỹ D - sinh ngày 11/6/2020, cháu Sùng Mỹ D1 - sinh ngày 20/12/2021 cho anh H trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không đặt ra vấn đề đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vừ Thị G và anh Sùng A H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: - Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Vừ Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000463 ngày 16/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Xác nhận chị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Sùng A H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm để sung quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000470 ngày 16/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND huyện Nậm Nhùn;
- Chi cục THADS huyện Nậm Nhùn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vàng Xuân Hiệp